TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN C
THÀNH PHỐ C

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 20/2023/HNGĐ-ST
Ngày 28/02/2023
V/v "*Xin ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN C

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông **Phan Vũ Linh.**

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1/ Ông **Nguyễn Thanh Tùng.**

2/ Ông **Nguyễn Văn Mến.**

- *Thư ký phiên tòa*: Bà **Trần Thị Hạnh Nhung –** Thư ký Tòa án nhân dân quận C.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận C tham gia phiên tòa*: Ông **Lê Văn Quốc** – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận C đưa ra xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 08/2023/TLST-HNGĐ ngày 18/01/2023 về việc "*Xin ly hôn".*

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 84/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/02/2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà **Trần Thị H**, sinh năm 1961 (Có mặt).

Địa chỉ: Số 5A/4 khu vực 1, phường H, quận C, thành phố C.

2. *Bị đơn*: Ông **Phan Ngọc A**, sinh năm 1957 (Có mặt).

Địa chỉ: Số 5A/4 khu vực 1, phường H, quận C, thành phố C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày và yêu cầu*: Bà và ông Phan Ngọc A tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 1989 có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường An Cư, thành phố C vào ngày 13/11/1989. Trong thời gian chung sống giữa bà với ông Anh phát sinh mâu thuẫn do không tìm ra tiếng nói chung

trong cuộc sống vợ chồng, thường xuyên cãi vả, không thể hàn gắn với nhau. Nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà yêu cầu được ly hôn với ông Phan Ngọc A.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống bà với ông Anh có 01 (một) con chung là Phan Ngọc D (nam) sinh ngày 24/10/1990 (đã trưởng thành), không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Bị đơn ông Phan Ngọc A trình bày*: Ông thống nhất với phần trình bày của bà H về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung như trên là đúng. Qua yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà H thì ông không đồng ý, do mâu thuẫn của vợ chồng không lớn lắm, nguyên nhân từ việc bà H ghen tuông nên dẫn đến mâu thuẫn.

Trường hợp Toà án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H, ông có ý kiến về tài sản chung, con chung và nợ chung như sau:

- Về con chung: Có 01 (một) con chung là Phan Ngọc D (nam) sinh ngày 24/10/1990 (đã trưởng thành), không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung và nợ chung: Thống nhất với ý kiến của bà H là trong thời gian chung sống vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Có mặt tại phiên toà sơ thẩm, nguyên đơn bà H và bị đơn ông Ngọc A vẫn giữ phần trình bày và ý kiến của mình như trên.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử, cũng như tại phiên tòa hôm nay: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định về trình tự, thủ tục tố tụng. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền thụ lý giải quyết đúng quy định; Tòa án đã tiến hành thủ tục hòa giải, thu thập chứng cứ đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật; không phát hiện vi phạm. Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án đúng quy định.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho bà Trần Thị H được ly hôn với ông Phan Ngọc A, do trong quá trình chung sống thì giữa bà H với ông Ngọc A phát sinh mâu thuẫn, bị đơn cũng thừa nhận trong thời gian chung sống vợ chồng có mâu thuẫn với nhau không thể tự giải quyết. Về con chung đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét, giải quyết, riêng về tài sản chung và nợ chung bà H và ông Ngọc A khai thống nhất không

có, không có yêu cầu nên đề nghị không đặt ra xem xét, giải quyết trong vụ án này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:*

Bà Trần Thị H và ông Phan Ngọc A tự nguyện đi đến hôn nhân vào năm 1989 và có đăng ký kết hôn đúng theo quy định của pháp luật, đã được Ủy ban nhân dân phường An Cư, thành phố C (cũ) cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 118 ngày 13/11/1989, nên hôn nhân của ông, bà là hợp pháp được pháp luật bảo vệ và điều chỉnh khi có yêu cầu. Chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, không đạt được hạnh phúc như mong muốn nên bà H có đơn yêu cầu xin ly hôn với ông Ngọc A, quan hệ tranh chấp được xác định là "Xin ly hôn", vụ việc được Tòa án nhân dân quận C thụ lý giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Xét yêu cầu của các đương sự:*

- Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân của bà H và ông Ngọc A là hợp pháp trên cơ sở tự nguyện, trong thời gian chung sống thì tình cảm vợ chồng có sự rạn nứt, mâu thuẫn với nhau, giữa hai người không tìm ra cách giải quyết mâu thuẫn, không hàn gắn tiếp tục cuộc sống hôn nhân đã được xây dựng, theo bà H cho rằng do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vả, không thể hàn gắn và mâu thuẫn ngày càng lớn nên không thể đoàn tụ với nhau.

Xét thấy để xây dựng hạnh phúc của gia đình, cũng như cuộc sống của vợ chồng phải được vun đắp từ tình cảm thật sự xuất phát từ bản thân của cả người vợ và người chồng, sự tự nguyện cả hai người đồng thời cùng duy trì, giữ gìn hạnh phúc đã xây dựng, cùng chăm lo cho nhau, nhưng bà H và ông Ngọc A không làm được điều này, bà H cho rằng không còn tình cảm, không thể hàn gắn và yêu cầu được ly hôn với ông Ngọc A. Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như có mặt tại phiên toà sơ thẩm, bị đơn ông Ngọc A thừa nhận trong thời gian chung sống thì giữa ông với bà H có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bà H ghen tuông. Hội đồng xét xử xét thấy, trong thời gian chung sống giữa ông Ngọc A và bà H có phát sinh mâu thuẫn với nhau, hai người không thể tự hàn gắn, giải quyết mâu thuẫn đã tồn tại, phía bị đơn ông Ngọc A xin đoàn tụ, tuy

nhiên ông không thuyết phục, cũng như đưa ra được biện pháp nào để giải quyết mâu thuẫn của vợ chồng, trong khi bà H kiên quyết yêu cầu được ly hôn. Cho nên, Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, cho bà H được ly hôn với ông Ngọc A là có căn cứ và phù hợp quy định của pháp luật.

- Về con chung: Có 01 (một) con chung là Phan Ngọc D (nam) sinh ngày 24/10/1990, con chung đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà H và ông Ngọc A khai thống nhất trong thời gian chung sống không có tài sản chung và nợ chung, không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Trường hợp sau này có tranh chấp sẽ tách ra giải quyết thành vụ án khác.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà Trần Thị H nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 235, 266 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Trần Thị H được ly hôn với ông Phan Ngọc A.

2. Về con chung: Có 01 (một) con chung là Phan Ngọc D (nam) sinh ngày 24/10/1990, con chung đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà H và ông Ngọc A khai thống nhất trong thời gian chung sống không có tài sản chung và nợ chung, không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Trường hợp sau này có tranh chấp sẽ tách ra giải quyết thành vụ án khác.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà Trần Thị H nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0008885 ngày 13 tháng

01 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận C, thành phố C; bà H đã nộp xong án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm theo quy định./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Vũ Linh

* ***Nơi nhận***:
- TAND Tp.C;
- VKSND Q.C;
- Chi cục THADS Q.C;
- UBND P.An Cư, quận Ninh Kiều;
- Các đương sự;
- Lưu HS.